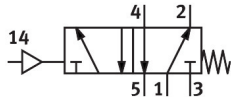


# Van khí VL-5-1/8

Số bộ phận: 9764

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 đơn ổn định                                               |
| Kiểu vận hành                                              | khí nén                                                       |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 26 mm                                                         |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 500 l/ph                                                      |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | G1/8                                                          |
| Áp suất vận hành                                           | 0 MPA...1 MPA<br>0 bar...10 bar                               |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Đế đĩa                                                        |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                  |
| Chiều rộng định mức                                        | 5 mm                                                          |
| Kích thước lưới                                            | 27 mm                                                         |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                              |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                           |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                        |
| Kiểu điều khiển                                            | trực tiếp                                                     |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | bên ngoài                                                     |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |
| Xếp chồng                                                  | gối chống âm                                                  |
| Áp suất điều khiển                                         | 0.12 MPA...1 MPA<br>1.2 bar...10 bar                          |
| Tần số chuyển mạch tối đa                                  | 12 Hz                                                         |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 16 ms                                                         |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 5 ms                                                          |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                      |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -20 °C...60 °C                                                |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                |
| Môi chất kiểm soát                                         | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 220 g                                                         |

| Đặc tính                   | Giá trị                                     |
|----------------------------|---------------------------------------------|
| Kiểu gắn                   | trên thanh ray PR<br>với lỗ xuyên<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí điều khiển 12 | G1/8                                        |
| Cổng nối khí điều khiển 14 | G1/8                                        |
| Cổng nối khí nén 1         | G1/8                                        |
| Cổng nối khí nén 2         | G1/8                                        |
| Cổng nối khí nén 3         | G1/8                                        |
| Cổng nối khí nén 4         | G1/8                                        |
| Cổng nối khí nén 5         | G1/8                                        |
| Ghi chú vật liệu           | Tuân thủ RoHS                               |
| Vật liệu của phốt          | NBR<br>TPE-U (PU)                           |
| Vật liệu vỏ                | Nhôm đúc áp lực                             |